BỘ CÔNG THƯƠNG
**TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: 700/QĐ-ĐHCNQN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-ĐHCNQN ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 9 năm 2026, áp dụng đối với các khóa thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Quyết định này thay thế Quyết định số 600/QĐ-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**TS. Hoàng Hùng Thắng**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUY CHẾ
# ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHCNQN ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, cấp bằng thạc sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các học viên, giảng viên, Bộ môn, Khoa và các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện tham gia công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tổ chức đào tạo các chương trình đào tạo chuyên sâu sau đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe cấp văn bằng bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 8 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15.

4. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam cấp bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy chế này.

### Điều 2. Nguyên tắc tổ chức đào tạo thạc sĩ

1. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo chương trình đào tạo đã ban hành, bảo đảm thống nhất về chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng giữa các hình thức, phương thức đào tạo và đối tượng người học.

2. Người học hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các điều kiện theo quy định thì được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng. Người học hoàn thành một hoặc một số học phần của chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ theo quy định được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc xác nhận kết quả học tập.

3. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong công tác tổ chức đào tạo thạc sĩ.

**Điều 3. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ do các Khoa, Bộ môn xây dựng đáp ứng yêu cầu về Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các chương trình đào tạo thạc sĩ của Nhà trường được xây dựng, thẩm định và ban hành theo định hướng ứng dụng.

2. Chương trình đào tạo được áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

3. Chương trình đào tạo được quy định và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Danh mục ngành phù hợp với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên);

b) Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra; yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

c) Chương trình đào tạo phải bao gồm những nội dung bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo.

4. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, đề án thạc sĩ (học phần tốt nghiệp).

a) Phần kiến thức chung gồm học phần triết học và ngoại ngữ (học phần triết học có khối lượng kiến thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành đều có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn, trong đó các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Mỗi học phần có khối lượng kiến thức từ 2-3 tín chỉ.

c) Đề án thạc sĩ có thời lượng 6-9 tín chỉ; đề án thạc sĩ là một công trình nghiên cứu đề xuất về kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn, thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết được vấn đề của học viên do Nhà trường giao hoặc do học viên tự đề xuất được Khoa, Bộ môn quản lý ngành, chuyên ngành đồng ý.

5. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và được công bố cho học viên được biết.

**Điều 4. Hình thức, phương thức và thời gian đào tạo**

1. Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh quyết định hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa của từng chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Giáo dục Đại học,

đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo và các quy định của Quy chế này. Hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên của Nhà trường đều áp dụng cho chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng.

2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành, chuyên ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Thời gian đào tạo thạc sĩ được tính từ thời điểm quyết định nhập học của học viên có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành việc nộp Đề án hoặc hoàn thành các yêu cầu tốt nghiệp khác theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

c) Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba (2/3) và thời gian đào tạo tối đa không vượt quá 2,5 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo.

d) Thời gian đào tạo toàn khóa đối với hình thức đào tạo thường xuyên phải dài hơn từ một phần tư (1/4) đến một phần hai (1/2) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình tổ chức đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

e) Thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ là 2 năm.

f) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo thường xuyên từ 2,5 năm đến 3 năm so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo tổ chức đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

3. Quy định thời gian đào tạo tối đa và tối thiểu

a) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khoá học theo hình thức đào tạo chính quy tối đa không vượt quá 5 năm và thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ không ít hơn 1,5 năm.

b) Thời gian tối đa và thời gian tối thiểu để học viên hoàn thành khoá học theo hình thức đào tạo thường xuyên như sau:

- Đối với trường hợp thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 2,5 năm: Thời gian đào tạo tối thiểu là 1 năm 8 tháng và thời gian tối đa là 6 năm 3 tháng.

- Đối với trường hợp thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 3 năm: Thời gian đào tạo tối thiểu là 2 năm và thời gian đào tạo tối đa là 7 năm 6 tháng.

e) Thời gian thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế của học viên theo quyết định của Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang bộ từ ba (03) tháng trở lên không tính vào thời gian đào tạo của học viên.

4. Người học chưa tốt nghiệp khi hết thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo, kể cả trường hợp đã bị buộc thôi học, được đăng ký dự tuyển lại. Kết quả học tập, kết quả nghiên cứu còn trong thời hạn giá trị theo khoản 5 Điều 5 của Quy chế này được Hiệu trưởng xem xét công nhận khi người học trúng tuyển và nhập học trở lại để tiếp tục học tập và xét tốt nghiệp.

5. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt.

**Điều 5. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Người học được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần được thực hiện tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ, lĩnh vực tương ứng và đáp ứng yêu cầu về khối lượng học tập, nội dung học tập và chuẩn đầu ra của học phần tương ứng.

2. Tổng khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo mà người học đang theo học, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Người học đang theo học chương trình đào tạo trình độ đại học, đạt kết quả học tập từ loại khá hoặc tương đương trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo thạc sĩ cùng nhóm ngành.

4. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo thiết kế của chương trình đào tạo và không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Kết quả học tập và chứng chỉ giáo dục đại học dùng để công nhận, chuyển đổi tín chỉ có giá trị trong thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo kể từ ngày được xác nhận hoàn thành học phần hoặc từ thời điểm được cấp chứng chỉ xác nhận; các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng làm minh chứng đạt yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ phải thuộc danh sách hoặc danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

6. Quy trình công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của người học theo các chương trình và trình độ đào tạo được thực hiện theo quy định riêng của trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a. Sinh viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đang học chương trình đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích luỹ xếp loại khá trở lên và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không vi phạm kỷ luật của trường có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ của Nhà trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 24 tín chỉ.

b. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ;

- Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c) Quy định về điều kiện, tiêu chí đánh giá, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của người học đã tích luỹ từ một một chương trình đào tạo thạc sĩ khác:

- Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một chương trình đào tạo

thạc sĩ khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học;

- Người học làm đơn kèm theo minh chứng bảng kết quả học tập đã học chương trình thạc sĩ và nộp về trường (qua Phòng Đào tạo);

- Căn cứ vào kết quả học tập của người học, Nhà trường thành lập Hội đồng chuyên môn để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo;

- Trên cơ sở kết quả của Hội đồng chuyên môn, Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học.

d) Quy định điều kiện, quy trình sinh viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được đăng ký học theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Điều kiện sinh viên đăng ký học: Sinh viên được xếp hạng từ trình độ năm thứ 2 trở lên; học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên; có ngành, chuyên ngành và có lớp học phần trường đang tổ chức đào tạo.

- Quy trình đăng ký: Sinh viên đủ điều kiện viết đơn nộp về Phòng Đào tạo; Phòng Đào tạo tổng hợp, đối chiếu, rà soát các điều kiện yêu cầu đăng ký học của sinh viên. Phòng Đào tạo tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập hội đồng chuyên môn để công nhận chuyển đổi điểm cho sinh viên.

- Quy trình công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên: Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, Nhà trường thành lập Hội đồng chuyên môn để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo. Trên cơ sở kết quả của Hội đồng chuyên môn, Nhà trường công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học. Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định và trình Hiệu trưởng ký cho phép sinh viên đăng ký học theo quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 6. Liên kết đào tạo thạc sĩ**

1. Liên kết đào tạo thạc sĩ ở trong nước là việc Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phối hợp với cơ sở đào tạo trong nước để tuyển sinh, giảng dạy, đánh giá người học và cấp bằng theo quy định của pháp luật, trong đó:

a) Cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ thạc sĩ là cơ sở chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quyền lợi người học, bảo đảm chất lượng, đánh giá người học, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng;

b) Cơ sở phối hợp là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học ở trình độ, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng có chức năng, nhiệm vụ và có đủ năng lực tham gia thực hiện một số nội dung của chương trình liên kết đào tạo;

c) Hoạt động liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe

được thực hiện giữa các cơ sở đào tạo được phép hoạt động trong cùng phạm vi lĩnh vực sức khỏe; các cơ sở liên kết đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với việc đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của pháp luật.

2. Việc liên kết đào tạo phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, chương trình đào tạo và các quy định của cơ sở đào tạo chủ trì;

b) Bảo đảm chất lượng đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng, quyền lợi của người học;

c) Xác định rõ trách nhiệm của cơ sở chủ trì và cơ sở phối hợp trong tổ chức đào tạo, quản lý người học, bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình;

d) Cơ sở phối hợp thực hiện các nội dung liên kết đào tạo theo phân công của cơ sở chủ trì và thỏa thuận liên kết đào tạo;

đ) Cơ sở chủ trì chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện không ít hơn 50% tổng khối lượng học tập của chương trình liên kết đào tạo;

e) Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết được tính vào số lượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo chủ trì và cơ sở đào tạo phối hợp theo tỷ lệ tham gia của mỗi bên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

g) Công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, nội dung liên kết đào tạo và trách nhiệm của các bên liên quan.

3. Đối với chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài:

a) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (đơn vị thực hiện liên kết và cấp bằng) phải được thành lập và hoạt động hợp pháp tại nước sở tại; có tư cách pháp nhân và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên;

b) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành;

c) Chương trình liên kết đào tạo là chương trình đang triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài;

d) Yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không thấp hơn quy định yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ, ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam;

đ) Văn bằng do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp cho người học tại Việt Nam phải bảo đảm tương đương về hình thức, giá trị pháp lý và quyền học tập lên các trình độ cao hơn với văn bằng cấp cho người học tại trụ sở chính;

e) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải bố trí giảng viên của mình

tham gia thực hiện ít nhất 25% tổng khối lượng học tập của chương trình liên kết đào tạo; giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm trình độ chuyên môn, học hàm, học vị phù hợp với quy định từ tiến sĩ trở lên và năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu truyền tải nội dung chương trình đào tạo.

## Chương II
## TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**Điều 7. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ**

1. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, quy định về chuẩn nghề nghiệp giảng viên đại học, chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, lĩnh vực và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Giảng viên giảng dạy từng học phần của chương trình đào tạo phải đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và năng lực nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, định hướng đào tạo và yêu cầu bảo đảm chất lượng của học phần.

**Điều 8. Tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả học tập**

1. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ tại trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo khác của trường theo đúng số lượng tuyển sinh xác định theo trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo khác tại quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong phạm vi được cấp phép, phê duyệt tổ chức thực hiện và yêu cầu bảo đảm chất lượng.

2. Hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế có thể được tổ chức ngoài phạm vi của trường nhưng không vượt quá 30% (18 tín chỉ) tổng khối lượng chương trình đào tạo trừ trường hợp chuẩn chương trình đào tạo hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Đối với các chương trình đào tạo thuộc một số lĩnh vực cụ thể khác, việc tổ chức thực hành, thực tập và đào tạo ngoài phạm vi của cơ sở đào tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, chuẩn chương trình đào tạo và yêu cầu của chương trình đào tạo.

4. Căn cứ tình hình thực tế, tùy vào tình hình cụ thể từng năm học. Nhà trường triển khai tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá quy định khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; đảm bảo chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

5. Tổ chức đào tạo và đánh giá trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Việc tổ chức giảng dạy, học tập trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và phương thức đào tạo của chương trình đào tạo;

b) Khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo, trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Việc đánh giá trực tuyến phải bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy, công bằng, khách quan và tương đương với đánh giá trực tiếp;

d) Việc tổ chức đào tạo trực tuyến phải tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đại học.

6. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường sẽ thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được hợp tác tổ chức thực hiện một số nội dung học phần của chương trình đào tạo với cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu, cơ sở thực hành, doanh nghiệp và các tổ chức khác để huy động, sử dụng đội ngũ chuyên gia, cơ sở thực tập, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

8. Việc lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức đào tạo, đăng ký học tập, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo quy định của Nhà trường và phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo và quy định của Quy chế này.

9. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo tín chỉ.

**Điều 9. Lập kế hoạch, thời khóa biểu phân công giảng dạy**

1. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, trên cơ sở chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo tiến hành xây dựng kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để thực hiện.

2. Các Khoa chỉ đạo các Bộ môn phụ trách học phần phân công cán bộ giảng dạy học phần đảm bảo các yêu cầu về năng lực, trình độ theo quy định.

3. Phòng Đào tạo lập thời khoá biểu, lịch giảng dạy và học tập của các lớp và thông báo lịch giảng dạy, học tập đến các Khoa, Bộ môn. Các bộ môn phụ trách học phần có trách nhiệm thông báo thời khóa biểu đến giảng viên.

4. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với mỗi học phần đảm bảo không vượt quá theo quy định.

5. Thời khoá biểu phải thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Trong trường hợp tuyển sinh gặp khó khăn, số lượng học viên ít, một số học phần có thể bố trí học ghép các khoá học chung nhưng phải đảm bảo chất lượng đào tạo.

**Điều 10. Quy định việc đăng ký học tập của người học theo từng chương trình đào tạo**

1. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường sẽ thông báo cho học viên đăng ký học tập trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chung toàn trường.

2. Học viên học theo tín chỉ phải đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ trên cơ sở danh sách những học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Cố vấn học tập có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn việc đăng ký học và ký xác nhận vào phiếu đăng ký học tập cho từng học viên.

4. Việc tổ chức đăng ký học tập cho học viên được thực hiện như sau:

a) Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy để học viên chủ động đăng ký.

b) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng học viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng Đào tạo của trường. Có 2 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ (đăng ký bình thường và đăng ký muộn): Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần; Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những học viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

Tùy điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng xem xét, quyết định các hình thức đăng ký và thời gian đăng ký thích hợp.

5. Khối lượng học tập học viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ như sau:

a) Đối với hình thức đào tạo chính quy:

- Khối lượng tối thiểu không ít hơn 13 tín chỉ/một học kỳ
- Khối lượng tối đa không vượt quá 22 tín chỉ/ một học kỳ

b) Đối với hình thức đào tạo thường xuyên:

- Khối lượng tối thiểu không ít hơn 10 tín chỉ/một học kỳ
- Khối lượng tối đa không vượt quá 15 tín chỉ/ một học kỳ

6. Quy trình đăng ký học của học viên trong từng học kỳ:

a) Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình.

b) Cách thức đăng ký: Học viên đăng ký học qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và gửi Phiếu đăng ký khối lượng học tập về Phòng Đào tạo.

c) Phòng Đào tạo của trường chỉ nhận Phiếu đăng ký học tập của học viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của Cố vấn học tập theo đúng mẫu quy định. Học viên phải chủ động, tự rà soát, theo dõi tiến trình học tập của mình so với chương trình đào tạo của Nhà trường.

**Điều 11. Điều kiện, nguyên tắc và thủ tục đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt, học song song và các trường hợp điều chỉnh kế hoạch học tập khác (nếu có).**

1. Nguyên tắc chung trong đăng ký và điều chỉnh kế hoạch học tập

a) Tuân thủ chuẩn chương trình: Việc đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập phải phù hợp với chương trình đào tạo đã được ban hành, bảo đảm chuẩn đầu ra và khối lượng kiến thức toàn khóa.

b) Quyền tự chủ của học viên gắn với quy định Nhà trường: Học viên được chủ động lập kế hoạch học tập cá nhân nhưng phải tuân thủ các mốc thời gian, khối lượng học tập tối thiểu và tối đa được phép đăng ký trong mỗi học kỳ.

c) Minh bạch và công khai: Mọi quy trình đăng ký, xét duyệt, hủy học phần hoặc điều chỉnh kế hoạch phải được công khai, minh bạch trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

2. Học viên chỉ được phép dự thi kết thúc học phần một lần. Nếu học viên có điểm học phần không đạt thì không được phép thi lại. Học viên phải đăng ký học lại học phần đó vào học kỳ kế tiếp hoặc đăng ký học vào học kỳ phụ (nếu có), hoặc đăng ký học riêng khi nhà trường mở các lớp học riêng theo quy định.

3. Trong trường hợp đặc biệt do yếu tố khách quan. Phòng Đào tạo rà soát, tổng hợp danh sách học viên và tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét mở lớp học cho phù hợp với thời gian, điều kiện thực tế đảm bảo quyền lợi cho học viên.

4. Quy định điều kiện, nguyên tắc và thủ tục đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt, học song song và các trường hợp điều chỉnh kế hoạch học tập khác.

a) Học lại và học cải thiện điểm

- Điều kiện học lại: Áp dụng đối với học viên có học phần điểm không đạt; học viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian giới hạn tối đa được đăng ký học lại các học phần cần thiết.

- Điều kiện học cải thiện: Áp dụng cho học viên muốn nâng cao điểm số đối với các học phần đã đạt yêu cầu nhưng chưa đạt mức điểm mong muốn.

- Nguyên tắc: Điểm học lại lần học cuối là điểm chính thức của học phần. Học viên đã có điểm học phần đạt, được đăng ký học lại một lần để cải thiện điểm, điểm học lại để cải thiện điểm được tính là điểm chính thức của học phần;

- Thủ tục: Học viên làm đơn đăng ký học lại, học cải thiện điểm nộp về Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo hướng dẫn học viên thực hiện đăng ký học lại, học cải thiện điểm trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, học viên phải có trách nhiệm nộp học phí tương ứng với số tín chỉ đăng ký học lại, học cải thiện theo quy định tài chính của Nhà trường.

b) Học vượt (Đăng ký học trước khối lượng kiến thức)

- Điều kiện: Học viên đang theo học các chương trình tích hợp hoặc có kết quả học tập xuất sắc/giỏi có nhu cầu hoàn thành chương trình sớm hơn thời hạn

chuẩn. Đối với việc học trước các học phần ở bậc cao hơn (như sinh viên đại học học trước học phần thạc sĩ), phải đáp ứng các ngưỡng tích lũy tín chỉ và điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu theo quy định của Nhà trường.

- Nguyên tắc: Tổng khối lượng học tập được công nhận và chuyển đổi không vượt quá giới hạn cho phép (không quá 40% khối lượng chương trình)

- Thủ tục: Học viên làm đơn xin đăng ký học vượt, học trước học phần kèm theo bảng điểm tích lũy cá nhân nộp về Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo tổng hợp, rà soát các điều kiện và tham mưu cho Hiểu trưởng cho phép các học viên được học vượt, học trước các học phần đảm bảo đúng theo quy đinh.

c) Học song song (Học đồng thời nhiều chương trình)

- Điều kiện: Học viên đáp ứng đầy đủ năng lực học tập, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị đình chỉ học tập, đồng thời bảo đảm thời gian và điều kiện tài chính để theo học song song các chương trình

- Nguyên tắc: Các kết quả học phần trùng lặp giữa các chương trình sẽ được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định chung về công nhận kết quả học tập, với tổng khối lượng chuyển đổi không vượt quá giới hạn quy định (tối đa 40%).

- Thủ tục: Học viên nộp đơn đăng ký học song song chương trình tại Phòng Đào tạo. Học viên cung cấp minh chứng bảng điểm quá trình học tập của chương trình thứ nhất để được xét miễn giảm các học phần tương đương.

d) Các trường hợp điều chỉnh kế hoạch học tập khác

- Bảo lưu kết quả học tập và tạm dừng học tập: Học viên vì lý do cá nhân, sức khỏe hoặc lý do bất khả kháng được quyền làm đơn xin tạm dừng học tập và bảo lưu kết quả các học phần đã tích lũy. Kết quả tích lũy được bảo lưu phải còn trong thời hạn giá trị theo quy định.

- Chuyển đổi đề tài, thay đổi hướng nghiên cứu hoặc người hướng dẫn: Trong quá trình học tập, nếu có nhu cầu điều chỉnh đề tài đề án hoặc thay đổi người hướng dẫn, học viên phải giải trình rõ lý do, có ý kiến đồng ý của đơn vị Khoa chuyên môn quản lý ngành học và người hướng dẫn liên quan để trình Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh xem xét quyết định.

- Gia hạn thời gian học tập hoặc buộc thôi học: Trường hợp học viên sắp hết thời gian đào tạo tối đa mà chưa hoàn thành chương trình, học viên phải làm đơn xin gia hạn. Quá thời hạn tối đa toàn khóa mà không hoàn thành, học viên sẽ thuộc diện bị xử lý buộc thôi học theo đúng quy chế đào tạo.

đ) Đối với những trường hợp đặc biệt khác chưa có trong quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều này, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét giải quyết cho phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

**Điều 12. Quy định các trường hợp học viên buộc thôi học**

Học viên thạc sĩ của Nhà trường sẽ bị xem xét quyết định buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Không hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian giới hạn:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo tính đến thời điểm hết thời gian đào tạo tối đa theo quy định của chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian đã được cho phép kéo dài hoặc bảo lưu theo quy định, không vượt quá giới hạn tối đa theo quy chế đào tạo).

b) Học viên bị cảnh báo học tập quá số lần quy định và không khắc phục được kết quả học tập trong thời hạn quy định.

2. Vi phạm về học tập, nghiên cứu và liêm chính học thuật:

a) Có hành vi vi phạm nghiêm trọng các quy định về học tập, kiểm tra, thi, nghiên cứu khoa học hoặc vi phạm các quy định về liêm chính học thuật (như đạo văn, gian lận trong việc thực hiện đề án, dự án, giả mạo hồ sơ, tài liệu học tập, hoặc vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ) theo quy định của pháp luật.

b) Giả mạo số liệu điều tra, số liệu thực nghiệm, kết quả khảo sát hoặc tài liệu tham khảo trong luận văn thạc sĩ, đề án ứng dụng, thuê người viết hộ đề án tốt nghiệp hoặc sao chép nguyên văn công trình của người khác để nộp làm sản phẩm tốt nghiệp của mình.

3. Vi phạm pháp luật và quy chế nội bộ

a) Vi phạm pháp luật: Bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự hoặc có kết luận vi phạm pháp luật nghiêm trọng (như buôn lậu, gian lận thương mại, tham nhũng, tệ nạn xã hội...).

b) Vi phạm kỷ luật học đường và đạo đức: Có hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự, thân thể giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người học khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

c) Gây mất an ninh, trật tự, làm tổn hại đến tài sản lớn hoặc uy tín thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả (như chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào/đầu ra giả, bằng tốt nghiệp đại học giả) để đăng ký dự tuyển, nhập học hoặc hoàn thiện điều kiện tốt nghiệp.

e) Vi phạm các quy định khác của pháp luật, nội quy, quy chế đào tạo của Nhà trường dẫn đến hình thức kỷ luật buộc thôi học.

**Điều 13. Đào tạo được tổ chức đào tạo và đánh giá trực tuyến**

1. Nhà trường tổ chức đào tạo và đánh giá trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Việc tổ chức giảng dạy, học tập trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và phương thức đào tạo của chương trình đào tạo;

b) Khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo, trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Việc đánh giá trực tuyến phải bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy, công bằng, khách quan và tương đương với đánh giá trực tiếp;

d) Việc tổ chức đào tạo trực tuyến phải tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đại học.

2. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác tổ chức đào tạo và đánh giá trực tuyến đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

**Điều 14. Quản lý các lớp học**

1. Lớp học được tổ chức theo từng khóa đào tạo dựa trên kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh thạc sĩ cho các ngành đào tạo. Các Khoa quản lý ngành, có trách nhiệm quản lý các học viên trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu để thực hiện đề án tốt nghiệp tại đơn vị; định kỳ tổ chức các sinh hoạt khoa học để các học viên tham gia báo cáo kết quả nghiên cứu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà trường về mọi mặt hoạt động của học viên tại đơn vị.

2. Mỗi lớp học theo từng ngành có một giảng viên được giao nhiệm vụ làm Cố vấn học tập và một Ban cán sự do học viên đề cử. Ban cán sự có trách nhiệm trực tiếp tổ chức lớp thực hiện kế hoạch học tập, đôn đốc, nhắc nhở tập thể lớp thực hiện các quy định của Nhà trường; thay mặt lớp liên hệ với các Bộ môn, Khoa quản lý ngành và các phòng ban chức năng quản lý đào tạo.

3. Học viên phải có trách nhiệm thực hiện quá trình đào tạo dưới sự chỉ đạo, giám sát của cán bộ giảng dạy và chấp hành đầy đủ các quy định của đơn vị trực tiếp quản lý, của Khoa chuyên môn và Nhà trường.

4. Phòng Công tác sinh viên có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho giảng viên làm Cố vấn học tập các lớp trên cơ sở đề xuất của các Khoa quản lý ngành, chuyên ngành.

**Điều 15. Tổ chức giảng dạy học phần**

1. Học phần được tổ chức giảng dạy theo kế hoạch và đề cương đã được phê duyệt. Giảng viên có trách nhiệm dạy học theo đúng thời khóa biểu cho từng học kỳ; không được tự đổi lịch dạy và địa điểm giảng dạy. Trong trường hợp đột xuất phải thay đổi lịch dạy và địa điểm dạy thì giảng viên phải báo cáo cho Khoa, đồng thời phải báo cáo Phòng Đào tạo và có kế hoạch bố trí dạy bù đảm bảo đủ số tiết theo đúng quy định.

2. Việc tổ chức giảng dạy học phần được thực hiện như sau:

a) Học phần lý thuyết: Tổ chức giảng dạy theo lớp học phần. Giảng viên có trách nhiệm không ngừng đổi mới và cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với học phần và chuyên ngành đào tạo, cập

nhật công nghệ mới, chú trọng nội dung bài giảng đảm bảo chất lượng đào tạo.

b) Thực hành: Tổ chức giảng dạy tại phòng thực hành, phòng máy tính hoặc tại trung tâm đảm bảo yêu cầu theo chương trình đào tạo.

c) Bài tập, tiểu luận: Học viên tự nghiên cứu và thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách học phần.

d) Thảo luận: Tổ chức trên lớp theo hình thức thuyết trình trao đổi.

đ) Kiểm tra giữa kỳ: Giảng viên phụ trách căn cứ đề cương chi tiết của học phần để thực hiện. Điểm kiểm tra giữa kỳ do giảng viên phụ trách học phần quản lý và trực tiếp thông báo cho học viên trong giờ lên lớp.

**Điều 16. Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Đối với mỗi học phần, học viên được đánh giá qua tối thiểu ba điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có hai điểm đánh giá.

Các điểm thành phần (điểm chuyên cần, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần; điểm chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả tham quan, thực tập) được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần, cụ thể:

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần (trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%) thực hiện theo công thức sau:

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Điểm học phần | = | Điểm chuyên cần x 0.1 | + | Điểm quá trình x 0.3 | + | Điểm thi kết thúc học phần x 0.6 |

b. Đối với các học phần thực hành: Học viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành theo quy định. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần.

c. Giảng viên được phân công giảng dạy học phần có trách nhiệm trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

2. Học viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Học viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến phân trăm và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: Từ 8,50 đến 10,0;

B: Từ 7,00 đến 8,49;

C: Từ 5,50 đến 6,99;

D: Từ 4,0 đến 5,49.

Loại đạt có phân mức được quy đổi giữa thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm 4

| **Thang điểm 10** | | | | **Điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
|---|---|---|---|---|---|
| Từ | 8,50 | ÷ | 10,0 | A | 4,0 |
| Từ | 7,00 | ÷ | 8,49 | B | 3,0 |
| Từ | 5,50 | ÷ | 6,99 | C | 2,0 |
| Từ | 4,0 | ÷ | 5,49 | D | 1,0 |
| Dưới 4,0 | | | | F | 0 |

b. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình trung học tập:

P: Từ 5,00 trở lên.

c. Loại không đạt áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập:

F: Dưới 4,00.

d. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

**Điều 17. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi chính dành cho những học viên tham gia tối thiểu 70% số tiết học trên lớp có sự hướng dẫn của giảng viên. Kỳ thi phụ dành cho những học viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm D ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Lịch thi kết thúc các học phần được công bố cho học viên với thời gian ít nhất trước 1 tuần của kỳ thi.

3. Học viên xin hoãn thi phải có đơn và được Trưởng Khoa đồng ý. Căn cứ vào danh sách đơn xin hoãn thi, cán bộ coi thi có trách nhiệm ghi rõ các trường hợp vắng thi có lý do hay không có lý do vào danh sách học viên dự thi. Đơn xin hoãn thi phải được đưa vào túi niêm phong cùng với bài thi.

**Điều 18. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của học viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà học viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần học viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà học viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình chung tích luỹ), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phân đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

ai là điểm của học phần thứ i;

ni là số tín chỉ của học phần thứ i;

n là tổng số học phần.

5. Học viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hàng phần trăm và quy định như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến cận 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến cận 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến cận 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến cận 1,99: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

b. Theo thang điểm 10:

Từ 9,00 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,00 đến 8,99: Giỏi;

Từ 7,00 đến 7,99: Khá;

Từ 5,00 đến 6,99: Trung bình;

Từ 4,00 đến 4,99: Yếu;

Dưới 4,00: Kém.

6. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức xét học vụ và xếp loại học lực cho học viên. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực học viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi. Thời gian xét thôi học, xếp hạng học lực và xếp hạng tốt nghiệp được thực hiện một lần sau mỗi học kỳ.

**Điều 19. Miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh**

1. Điều kiện miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh

a. Đối với những học viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực (tính đến thời điểm xét) thì được Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh theo Phụ lục số 1 đính kèm. Học viên có bằng Cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh được xem như có trình độ ngoại ngữ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

b. Nếu trong quá trình học, học viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đáp ứng yêu cầu Phụ lục số 1 tại khoản 1 Điều này thì được phép làm đơn đề nghị Nhà trường công nhận miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh.

c. Học viên chỉ được công nhận miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh sau khi có quyết định của Hiệu trưởng.

d. Học viên không phải đóng học phí đối với học phần được miễn học.

2. Quy trình thủ tục miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh

a. Học viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi như quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp đơn kèm theo bản sao có công chứng và bản gốc của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (để đối chiếu) về trường qua Phòng Đào tạo.

b. Phòng Đào tạo phối hợp với Bộ môn Ngoại ngữ tổ chức đối chiếu, rà soát, kiểm tra và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh cho học viên.

**Điều 20. Đề án thạc sĩ**

1. Đề án

a) Đề án do Trưởng Bộ môn hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng Bộ môn đồng ý.

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề án cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ đề án ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa, Bộ môn và Trưởng Phòng Đào tạo.

2. Đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

d) Đề án phải trình bày khoa học, rõ ràng, khúc chiết, không tẩy xóa.

**Điều 21. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng**

1. Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án tốt nghiệp. Học viên thực hiện đề án tốt nghiệp trong thời gian ít nhất 03 tháng.

2. Hướng dẫn đề án:

a) Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của trường. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên, trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

3. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn đề án:

a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề án của học viên;

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đến đề án trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;

d) Đáp ứng các yêu cầu khác theo chuẩn chương trình đào tạo của ngành, lĩnh vực đào tạo và quy định khác (nếu có) của Nhà trường.

**Điều 22. Đánh giá đề án**

1. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước Hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai, Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của đề án; mức độ đáp ứng yêu cầu; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề án đặt ra.

2. Hội đồng đánh giá đề án do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng Bộ môn và Trưởng phòng Đào tạo, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc tính từ ngày học viên nộp đề án và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định này. Chủ tịch hội đồng phải là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng. Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài đề án. Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định. Hội đồng họp để đánh giá đề án trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng.

3. Hội đồng đánh giá đề án đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Hội đồng có ít nhất 03 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký và uỷ viên phản biện. Trường hợp hội đồng có hơn 03 thành viên, người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là uỷ viên, nhưng không được cho điểm đánh giá.

b) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn đề án quy định tại khoản 3 Điều 21 Quy chế này; trong đó chủ tịch phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của trường.

c) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là uỷ viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

4. Điều kiện để học viên được bảo vệ đề án:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo;

b) Đã nộp đề án, được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ;

c) Đã hoàn thành công nợ học phí đối với Nhà trường;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 4 trở lên theo Khung năng

lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định tại Phụ lục II của Quy chế này;

đ) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là đề án đạt các yêu cầu quy định;

e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập. Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

5. Buổi bảo vệ đề án chỉ được tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và uỷ viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ theo quy định.

6. Điểm chấm đề án của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân.

7. Điểm đề án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá đề án theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

8. Trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

9. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn báo cáo đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp tại Bộ môn và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường; đề án của học viên được công bố trên trang thông tin điện tử của trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

**Điều 23. Thẩm định đề án**

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng đề án.

2. Hội đồng thẩm định đề án có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá đề án; các thành viên hội đồng đánh giá đề án không tham gia hội đồng thẩm định đề án.

3. Hội đồng thẩm định đề án do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng Bộ môn và Trưởng phòng Đào tạo. Quy trình tổ chức họp đánh giá kết quả thẩm định cũng thực hiện như hội đồng đánh giá đề án.

**Điều 24. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**

1. Cách tính điểm trung bình toàn khoá

Điểm trung bình toàn khoá được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

$A$ là điểm trung bình toàn khoá;

$a_i$ là điểm của học phần thứ i;

$n_i$ là số tín chỉ của học phần thứ i;

$n$ là tổng số học phần.

2. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Học viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu tốt nghiệp theo quy định của chương trình đào tạo, bao gồm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực ngoại ngữ, năng lực số, và trí tuệ nhân tạo và các yêu cầu khác (nếu có);

b) Hoàn thành các nghĩa vụ của người học theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và không thuộc trường hợp bị đình chỉ học tập.

c) Điểm đề án thạc sĩ đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10);

d) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Phụ lục số 2 của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

đ) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập;

e) Đã nộp đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có bản xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng;

f) Đã hoàn thành công nợ đối với nhà trường theo đúng thời gian quy định.

2. Tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày người học hoàn thành các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp cần thẩm định, thời hạn này được kéo dài không quá 03 tháng.

3. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho học viên, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện để công nhận tốt nghiệp và toàn bộ hồ sơ bảo vệ đề án của học viên. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những học viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho học viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm uỷ viên thường trực và các thành viên là các Trưởng phòng, Trưởng khoa chuyên môn.

b) Căn cứ kết quả họp của Hội đồng xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo tổng hợp và trình Hiệu trưởng ký quyết định cấp bằng thạc sĩ và phụ lục văn bằng cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Danh sách học viên tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ được công bố trên website của Nhà trường.

4. Hạng tốt nghiệp của học viên được xác định theo điểm trung bình chung toàn khoá học, như sau:

a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung toàn khoá từ 3,60 đến 4,00;

b. Loại giỏi: Điểm trung bình chung toàn khoá từ 3,20 đến 3,59;

c. Loại khá: Điểm trung bình chung toàn khoá từ 2,50 đến 3,19;

d. Loại trung bình: Điểm trung bình chung toàn khoá từ 2,00 đến 2,49.

5. Thời gian cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

6. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thạc sĩ cho học viên được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Căn cứ vào kết quả học tập của học viên, Nhà trường cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc xác nhận kết quả học tập đối với các học phần, khối lượng học tập mà người học đã hoàn thành theo quy định.

8. Đối với những học viên không tốt nghiệp khi đã hết thời gian đào tạo tối đa được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích luỹ. Việc bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích luỹ cho học viên chỉ áp dụng khi học viên đã hết thời gian đào tạo tối đa và nộp hồ sơ dự thi tuyển sinh thạc sĩ đầu vào và trúng tuyển nhập học vào trường. Thời gian bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy cho học viên là 2 năm tính từ thời điểm học viên hết thời gian đào tạo tối đa.

9. Bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng tốt nghiệp cấp cho học viên được in và cấp phát theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## Chương III
## NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

### Điều 25. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khoá học quy định.

3. Học viên được Nhà trường quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

4. Học viên xin nghỉ học tạm thời phải viết đơn và được Trưởng khoa quản lý ngành, chuyên ngành đào tạo xác nhận. Sau đó học viên nộp đơn về Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo rà soát các điều kiện và trình Hiệu trưởng ký quyết định cho phép học viên được nghỉ học tạm thời.

5. Học viên khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng qua Phòng Đào tạo, đơn của học viên phải nộp về Phòng Đào tạo ít nhất 30 ngày trước khi bắt đầu học kỳ mới. Phòng Đào tạo rà soát, kiểm tra và trình Hiệu trưởng ký quyết định cho phép học viên được học tiếp.

6. Học viên xin thôi học muốn được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích luỹ thì trước khi xin thôi học học viên phải làm đơn đề nghị (thông qua Phòng Đào tạo) và được Hiệu trưởng đồng ý.

**Điều 26. Chuyển trường và chuyển chương trình đào tạo**

1. Học viên được xét chuyển trường, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo trường xin chuyển đi và cơ sở đào tạo trường xin chuyển đến;

c) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích luỹ đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển trường, chuyển chương trình đào tạo phải đảm bảo quy định tại của Quy chế này.

**Điều 27. Quy trình, thủ tục chuyển ngành, chuyển trường**

1. Đối với học viên xin chuyển chương trình, chuyển ngành đào tạo:

a. Học viên tự nguyện viết đơn và cam kết học và đóng học phí đầy đủ các học phần chưa học khi chuyển sang học chương trình, ngành đào tạo khác;

b. Học viên nộp đơn có chữ ký của Trưởng Khoa quản lý chương trình, ngành đào tạo về trường (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo tổng hợp, rà soát đơn của học viên trình Hiệu trưởng xem xét giải quyết;

c. Thời gian nộp đơn xin chuyển chương trình, ngành đào tạo thực hiện trước khi bắt đầu vào học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 của năm học tối thiểu 30 ngày.

2. Đối với học viên của cơ sở đào tạo khác xin chuyển về trường:

a. Học viên viết đơn xin chuyển trường và được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi;

b. Học viên nộp đơn xin chuyển trường đã có chữ ký của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo rà soát đơn của học viên trình Hiệu trưởng duyệt;

c. Sau khi đơn xin chuyển trường của học viên đã được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý. Học viên rút hồ sơ từ trường xin chuyển đi về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, hồ sơ gồm: Đơn xin chuyển trường của học viên đã có đầy đủ chữ ký của Hiệu trưởng hai trường; Quyết định chuyển trường của trường xin chuyển đi; Kết quả học tập của học viên có đầy đủ chữ ký của đơn vị quản lý đào tạo tính đến thời điểm xin chuyển và toàn bộ hồ sơ tuyển sinh thạc sĩ nhập học đầu vào theo quy định;

d. Phòng Đào tạo tiếp nhận Hồ sơ chuyển trường của học viên. Tổ chức rà soát, tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng công nhận kết quả học tập chuyển đổi tín chỉ đã học cho học viên. Đồng thời soạn thảo Quyết định tiếp nhận học viên chuyển trường trình Hiệu trưởng ký ban hành;

đ. Thời gian học viên nộp đơn xin chuyển về trường thực hiện trước khi bắt đầu vào học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 của năm học tối thiểu 15 ngày;

e. Những trường hợp đặc biệt, chưa có trong Quy chế này. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

3. Đối với học viên của trường xin chuyển đi sang cơ sở đào tạo khác:

a. Học viên viết đơn xin chuyển trường (được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành đào tạo) và hoàn thành công nợ (nếu có);

b. Học viên nộp đơn xin chuyển trường (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo rà soát, kiểm tra đơn của học viên trình Hiệu trưởng duyệt;

c. Trên cơ sở đơn chuyển trường đã được Hiệu trưởng hai trường đồng ý. Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định chuyển trường cho học viên và trình Hiệu trưởng ký ban hành. Sau khi có Quyết định chuyển trường của Hiệu trưởng, Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát và xác nhận kết quả học tập cho học viên.

## Chương IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Điều 28. Quyền và trách nhiệm của người học**

1. Người học có quyền:

a) Được học tập, nghiên cứu và sử dụng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo chương trình đào tạo;

b) Được tiếp cận đầy đủ quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, kết quả đánh giá, các thông tin liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu; được khiếu nại, kiến nghị theo quy định của pháp luật;

c) Được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quyền và nghĩa vụ của người học;

d) Được bảo đảm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả học tập và nghiên cứu theo quy định của pháp luật;

đ) Được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại và tố cáo theo quy định pháp luật.

2. Người học có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy chế tuyển sinh, đào tạo và các quy định của Nhà trường;

b) Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện liêm chính khoa học;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính nguyên bản của luận văn, luận án, đề án và các công bố khoa học liên quan;

d) Tuân thủ đầy đủ quy định về liêm chính học thuật, quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ; không thực hiện hành vi gian lận, sao chép trái quy định;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của trường;

e) Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

**Điều 29. Quyền và trách nhiệm của giảng viên**

1. Giảng viên tham gia đào tạo thạc sĩ có quyền:

a) Tham gia giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá người học và hoạt động học thuật theo chuyên môn được phân công;

b) Được bảo đảm điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn người học;

c) Được bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Giảng viên tham gia đào tạo thạc sĩ có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng quy chế đào tạo, quy định chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

b) Bảo đảm chất lượng giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá người học và chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn được giao;

c) Tuân thủ liêm chính học thuật; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; cam kết thực hiện liêm chính học thuật, không hướng dẫn, xác nhận hoặc tham gia các hoạt động vi phạm quy định về đào tạo và nghiên cứu khoa học;

d) Theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn người học trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện đề án thạc sĩ;

đ) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, độ tin cậy và kết quả xác nhận chuyên môn đối với người học thuộc phạm vi hướng dẫn hoặc đánh giá theo quy định của Nhà trường;

e) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm học thuật đối với quá trình hướng dẫn, chất lượng chuyên môn và việc bảo đảm liêm chính học thuật của đề án thạc sĩ.

**Điều 30. Quyền và trách nhiệm của Nhà trường**

1. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được tự chủ trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá người học, công nhận trình độ và cấp bằng theo quy định của pháp luật và Quy chế này, tổ chức và duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo quy định của Luật Giáo dục đại học;

2. Thực hiện tự kiểm tra, tự rà soát việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ, cấp bằng; kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục sai sót, vi phạm và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

3. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng đào tạo và duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo quy định;

b) Cập nhật chính xác số lượng, danh sách người học trúng tuyển vào chương trình đào tạo, kết quả học tập, phụ lục văn bằng, bằng tốt nghiệp số của người học theo năm tuyển sinh trên hệ thống Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học vào ngày 31 tháng 12 hằng năm;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học;

d) Thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản lý dữ liệu theo quy định; Bảo đảm liêm chính học thuật, kiểm soát đạo văn và xử lý vi phạm theo quy định;

đ) Hoàn thành việc cấp văn bằng trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày người học hoàn thành đề án tốt nghiệp, trừ trường hợp đề án tốt nghiệp phải được thẩm định lại theo quy định. Trường hợp chưa thể cấp văn bằng do đang trong quá trình xác minh, thẩm định hoặc xử lý dấu hiệu vi phạm theo quy định của pháp luật thì Nhà trường phải thông báo bằng văn bản cho người học, nêu rõ lý do và thời hạn dự kiến giải quyết;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ và cấp bằng; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

## Chương V
## CÔNG TÁC KIỂM TRA, KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 31. Công tác kiểm tra, khiếu nại, tố cáo**

1. Nhà trường có trách nhiệm tự kiểm tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, Quy định đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ; chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm Quy định của Nhà trường và của học viên.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật khiếu nại, tố cáo.

**Điều 32. Xử lý vi phạm**

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh và tổ chức, quản lý đào tạo

a) Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm Quy định, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo Quy định này.

b) Cán bộ, viên chức tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá đề án nếu vi phạm Quy định thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn đề tài, tham gia hội đồng đánh giá đề tài trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Xử lý vi phạm đối với học viên

a) Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

b) Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

c) Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ theo quy định của BGDĐT:

- Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng thạc sĩ;
- Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì đề án đó không đạt yêu cầu;
- Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ đề án.

d) Học viên nếu vi phạm Quy định thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà trường và Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 33. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin**

1. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác đào tạo của Nhà trường được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ theo quy định hiện hành về thời gian bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Trung tâm Tuyển sinh –Thông tin & Truyền thông xây dựng mô hình quản trị dữ liệu trên nền tảng số, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu giữa tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và cấp văn bằng; quản lý, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, dữ liệu tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ bảo đảm dữ liệu đầy đủ, xác thực, toàn vẹn, an toàn và có khả năng hậu kiểm theo đúng quy định.

2. Chế độ báo cáo

Hiệu trưởng giao cho Trung tâm Tuyển sinh –Thông tin & Truyền thông là đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các Phòng, Khoa, các đơn vị liên quan hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về công tác tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của trường vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Công khai thông tin

Trung tâm Tuyển sinh –Thông tin & Truyền thông có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về công tác tuyển sinh và đào tạo trên trang thông tin điện tử của Nhà trường đối với từng chương trình đào tạo như sau:

a) Quy chế tuyển sinh, đào tạo, đánh giá và cấp bằng;

b) Thông tin tuyển sinh, chuẩn đầu ra, hình thức đào tạo, học phí, học bổng và điều kiện duy trì bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo;

c) Đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn, luận văn, đề án, luận án và các thông tin học thuật liên quan theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Tình hình tuyển sinh, học tập và tốt nghiệp của người học theo từng chương trình đào tạo;

đ) Giới thiệu khái quát về chương trình đào tạo;

i) Các thông tin khác mà ứng viên và học viên cần biết về chương trình đào tạo của Nhà trường.

4. Trước khi tổ chức tuyển sinh và đào tạo, Trung tâm Tuyển sinh –Thông tin & Truyền thông có trách nhiệm triển khai tổ chức việc công khai trên trang điện tử của Nhà trường các nội dung cụ thể như sau:

a) Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ;

b) Các quyết định mở ngành thạc sĩ;

c) Các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thông tin khác theo quy định.

5. Tổ chức cập nhật thường xuyên thông tin công khai trên trang điện tử:

a) Thống kê số lượng học viên trúng tuyển, đang học, thôi học và tốt nghiệp từng khoá, từng ngành, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Kế hoạch thời khoá biểu của lớp học; tên đề tài và tóm tắt nội dung các đề án có thông tin học viên, người hướng dẫn và ngày bảo vệ đề án (trừ các đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước).

6. Lấy ý kiến của người học: Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm xây dựng quy định việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp trong toàn trường và tổ chức công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ và hình thức công khai.

## Chương VI
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 34. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy định về nội dung và hình thức trình bày đề án thạc sĩ; các mẫu biểu phục vụ quản lý đào tạo và các quy định khác (nếu có) đảm bảo theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

2. Trung tâm Tuyển sinh - Thông tin & Truyền thông có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh thạc sĩ theo đúng Quy chế tuyển sinh và đào tạo của trường và Quy chế tuyển sinh và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện công tác tuyển sinh phải tuân thủ, thực hiện theo đúng nội dung, quy trình đã quy định của Quy chế này.

3. Trước khi áp dụng Quy chế, Nhà trường phải tập huấn cho tất cả các cán bộ, giảng viên tham gia quản lý, giảng dạy thạc sĩ. Đồng thời phải tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho học viên Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của học viên ngay từ đầu khoá học.

4. Phòng Thanh tra & ĐBCL có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra nội bộ việc thực hiện công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác tuyển sinh và đào tạo của trường.

### Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tiếp tục tổ chức đào tạo, bảo lưu kết quả học tập, kéo dài thời gian đào tạo, thực hiện đề án tốt nghiệp, bảo vệ đề án tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp, công nhận trình độ đào tạo và cấp bằng thạc sĩ cho học viên theo Quyết định số 600/QĐ-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ

thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đối với các học viên thạc sĩ đã trúng tuyển theo thông báo tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực và nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Các chứng chỉ ngoại ngữ minh chứng năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 trong Quyết định số 600/QĐ-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

3. Trong thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến trước khi được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, các Khoa đào tạo có trách nhiệm rà soát, cập nhật chương trình đào tạo; chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng; công khai thông tin; cập nhật dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định để tổ chức tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề mới phát sinh hoặc xét thấy cần bổ sung, điều chỉnh, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**TS. Hoàng Hùng Thắng**

# PHỤ LỤC SỐ 1

**Bảng chuyển đổi văn bằng, chứng chỉ tương đương Bậc 4 sang thang điểm 10 đối với học phần tiếng Anh**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHCNQN ngày 22 tháng 9 năm 2026*
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh*

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/Văn bằng | Trình độ/ Thang điểm | | Quy đổi trình độ Bậc 4 sang thang điểm 10 |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tương đương Bậc 3 | Tương đương Bậc 4 | |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 - 45 | 46 - 93 | 10 |
| | | TOEFL ITP | 450 - 499 | | |
| | | IELTS | 4.0 - 5.0 | 5.5 – 6.5 | 10 |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179 | 10 |
| | | TOEIC (4 kỹ năng | Nghe: 275 – 399<br>Đọc: 275 – 384<br>Nói: 120 – 159<br>Viết: 120 - 149 | Nghe: 400 – 489<br>Đọc: 385 – 454<br>Nói: 160 – 179<br>Viết: 150 - 179 | 10 |

## PHỤ LỤC SỐ 2

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHCNQN ngày 22 tháng 9 năm 2026*
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh*

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/Văn bằng | Trình độ/ Thang điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tương đương Bậc 3 | Tương đương Bậc 4 | |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 - 45 | 46 - 93 | |
| | | TOEFL ITP | 450 - 499 | | |
| | | IELTS | 4.0 - 5.0 | 5.5 – 6.5 | |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179 | |
| | | TOEIC (4 kỹ năng | Nghe: 275 – 399<br>Đọc: 275 – 384<br>Nói: 120 – 159<br>Viết: 120 - 149 | Nghe: 400 – 489<br>Đọc: 385 – 454<br>Nói: 160 – 179<br>Viết: 150 - 179 | |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/ Alliance francaise diplomas | TCF: 300 – 399<br>Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue | TCF: 400 – 499<br>Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue | |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut | Goethe-Zertifikat B1 | Goethe-Zertifikat B2 | |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) | TestDaF Bậc 4 (TDN 4) | |

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/Văn bằng | Trình độ/ Thang điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tương đương Bậc 3 | Tương đương Bậc 4 | |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 | HSK Bậc 4 | |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 | N3 | |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языкукак иностранному | ТРКИ - 1 | ТРКИ - 2 | |